

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 22-5-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Dịu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Đặng Thị Đôi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố V, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Cao Đắc D, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 02 tháng 3 năm 2020 và các bản khai cũng như tại phiên hòa giải, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Cao Đắc D tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng vào ngày 02/10/2013 (Giấy chứng nhận kết hôn số 55). Cuối năm 2018 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do

bất đồng quan điểm sống, anh D vô cớ nghi ngờ chị không chung thủy, từ đó vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, anh đánh chị nhiều lần, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2019. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, nên chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đầu năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Cao Thị Gia L, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2014 đang do anh D nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, giữa chị và anh D đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Cao Đắc D trình bày thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm, mâu thuẫn phát sinh từ ngày 02/02/2020, do bất đồng quan điểm sống, anh nghi ngờ chị H có biểu hiện quan hệ ngoại tình, nên vợ chồng xảy ra xúc phạm nhau. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Mặc dù có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung như chị H đã trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi con đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, giữa anh và chị H đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên, ngoài ra chị trình bày: Cho đến nay, mâu thuẫn giữa anh chị càng trở nên trầm trọng, dẫn đến hai bên gia đình mâu thuẫn căng thẳng, không tôn trọng nhau. Chị tha thiết xin được ly hôn anh D.

Anh D trình bày, giữ nguyên toàn bộ, nội dung, nguyện vọng nêu trên, ngoài ra anh trình bày: Do chị H không biết cách đối nhân xử thế, nên anh có đánh chị H để dạy bảo, chứ không đánh để gây thương tích. Đối với sự việc anh nghi ngờ chị H không chung thủy nhưng anh không có chứng nào chứng minh. Nay chị H xin ly hôn; anh xác định, mặc dù có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H, mặt khác, gia đình anh theo Đạo, nên anh không đồng ý ly hôn chị H mà xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H; cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Cao Đắc D.

Về con chung: Giao cháu Cao Thị Gia L, sinh ngày 31/8/2014 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do anh D (bị đơn) cư trú tại thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K (theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H xin ly hôn anh D; căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã Đ cung cấp thì hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Cao Đắc D là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2018 do bất đồng quan điểm sống, anh D nghi ngờ chị H không chung thủy, nhưng không có bằng chứng xác thực; vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh D đánh chị H nhiều lần, nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đầu năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Xuất phát từ mâu thuẫn của anh chị, dẫn đến mâu thuẫn giữa hai bên gia đình trở nên căng thẳng. Do đó đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài;

yêu cầu xin ly hôn của chị H có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con là Cao Thị Gia L, sinh ngày 31/8/2014 đang do anh D nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh chị đều thống nhất giao cháu L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của các bên đương sự và trên cơ sở cung cấp thông tin của chính quyền xã Đ thì anh D làm nghề công nhân, thu nhập trung bình 9.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định, bên cạnh đó còn có bố mẹ để anh D giúp đỡ, chăm sóc cháu L rất tốt. Do đó cần giao cháu L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; được công nhận.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H không thuộc hộ nghèo, cận nghèo của địa phương nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Cao Đắc D.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị H và anh Cao Đắc D; giao cháu Cao Thị Gia L, sinh ngày 31/8/2014 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008851 ngày 18/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Diệu**